TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST Ngày 30-9-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến

Ông Đinh Đắc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13-7-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ma Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 03-4-2015. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Anh T ham chơi theo bạn bè, thiếu sự quan tâm tới gia đình, vợ

con. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng theo thời gian ngày một trầm trọng. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9-2018 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo A, sinh ngày 29-10-2015 và Nguyễn Anh Th, sinh ngày 14-5-2018. Ly hôn, chị nhận nuôi con Anh Th và đề nghị giao con Bảo A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh T vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc cũng như không gửi ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T, thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị L và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, công việc làm ăn không thuận lợi, thiếu sự quan tâm, chia sẻ khó khăn lẫn nhau nên thường xuyên xảy rã cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì tình cảm và kinh tế. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vi phạm Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L được ly hôn anh T; về con chung, giao con chung là Nguyễn Văn Bảo A, sinh ngày 29-10-2015 cho anh T

trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Anh Th, sinh ngày 14-5-2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Ma Thị L có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà bị đơn là anh T có nơi cư trú tại: Phường B, quận Đ; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 16-9-2019, mặc dù đã được triệu tập hợp L. Do đó, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

Về hôn nhân:

[3] Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 03-4-2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị L trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn chị L và anh T về chung sống cùng gia đình anh T tại tổ dân phố B, phường B, quận Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng thiếu sự tin tưởng, quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Lời khai của chị L phù hợp với trình bày của gia đình chị L, anh T và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Chị L thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

[5] Xét thấy, chị L và anh T đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[6] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo A, sinh ngày 29-10-2015 và Nguyễn Anh Th, sinh ngày 14-5-2018. Chị L nhận nuôi con Anh Th và đề nghị giao con Bảo A cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Cháu Thư còn rất nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, chị L có nguyện vọng nhận nuôi cháu Thư, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L. Thông qua lời khai của gia đình anh T thể hiện, anh T có nguyện vọng nhận nuôi con Bảo A. chị L cũng đề nghị giao con Bảo A cho anh T nuôi dưỡng. Cháu Bảo A hiện đang sống cùng anh T. Do đó, việc giao cháu Bảo A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Ma Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con Nguyễn Văn Bảo A, sinh ngày 29-10-2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Anh Th, sinh ngày 14-5-2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị L và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0007026 ngày 19-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường B, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng